

KẾT QUẢ KỲ KIỂM TRA CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH CTUT KHÓA 43, NĂM 2026

Ngày kiểm tra: 17 tháng 5 năm 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTCN ngày / /2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

| Stt | SBD | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm môn Nghe | Điểm môn Đọc | Tổng điểm | Kết quả | Ghi chú |
|-----|--------|-----------------------|------------|-----------|---------------|--------------|-----------|---------|---------|
| 1 | T43001 | Ngô Huỳnh Anh | 20/04/2003 | Cần Thơ | 470 | 340 | 810 | Đạt | |
| 2 | T43002 | Nguyễn Khánh Duy | 27/03/1998 | Vĩnh Long | 285 | 235 | 520 | Đạt | |
| 3 | T43003 | Phạm Chí Đạt | 28/09/2004 | Trà Vinh | 235 | 225 | 460 | Đạt | |
| 4 | T43004 | Trần Đặng Minh Đức | 10/12/2002 | Sóc Trăng | 310 | 330 | 640 | Đạt | |
| 5 | T43005 | Thiều Quang Huy Hoàng | 02/06/2003 | Cần Thơ | 455 | 245 | 700 | Đạt | |
| 6 | T43006 | Phạm Khánh Hưng | 23/09/2003 | An Giang | 310 | 360 | 670 | Đạt | |
| 7 | T43007 | Lý Anh Kiệt | 18/01/2003 | Cần Thơ | 475 | 385 | 860 | Đạt | |
| 8 | T43008 | Đỗ Minh Khải | 11/09/2002 | Cần Thơ | 285 | 345 | 630 | Đạt | |
| 9 | T43009 | Trần Đăng Khang | 10/04/2004 | Cà Mau | 475 | 305 | 780 | Đạt | |
| 10 | T43010 | Hồ Duy Khanh | 19/12/2002 | Cần Thơ | 375 | 300 | 675 | Đạt | |
| 11 | T43011 | Trần Minh Khoa | 09/03/2003 | Sóc Trăng | 410 | 260 | 670 | Đạt | |
| 12 | T43012 | Nguyễn Anh Khôi | 10/12/2003 | Cần Thơ | 230 | 335 | 565 | Đạt | |
| 13 | T43013 | Trần Phúc Lâm | 01/05/2003 | Đồng Tháp | 265 | 290 | 555 | Đạt | |
| 14 | T43014 | Đỗ Tấn Lộc | 23/03/2004 | Cần Thơ | 370 | 245 | 615 | Đạt | |

| Stt | SBD | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm môn Nghe | Điểm môn Đọc | Tổng điểm | Kết quả | Ghi chú |
|-----|---------------|---------------------|------------|-----------|---------------|--------------|------------|-----------|---------|
| 15 | T43015 | Trần Thanh Mừng | 10/04/2003 | Cần Thơ | 415 | 240 | 655 | Đạt | |
| 16 | T43016 | Dương Duy Ninh | 05/06/2001 | Đồng Tháp | 480 | 250 | 730 | Đạt | |
| 17 | T43017 | Nguyễn Thảo Ngân | 15/09/2003 | Cà Mau | 270 | 260 | 530 | Đạt | |
| 18 | T43018 | Trần Huỳnh Ngọc | 09/02/2002 | Cần Thơ | 495 | 330 | 825 | Đạt | |
| 19 | T43019 | Ngô Trọng Nhân | 10/10/2002 | Cần Thơ | 380 | 230 | 610 | Đạt | |
| 20 | T43020 | Nguyễn Yên Nhi | 20/09/2004 | Hậu Giang | 445 | 250 | 695 | Đạt | |
| 21 | T43021 | Mai Đỗ Minh Nhựt | 02/01/2003 | Cần Thơ | 445 | 360 | 805 | Đạt | |
| 22 | T43022 | Trần Tấn Tài | 09/09/2001 | Cà Mau | 245 | 195 | 440 | Không đạt | |
| 23 | T43023 | Phan Nhựt Tân | 24/07/2003 | Vĩnh Long | 240 | 260 | 500 | Đạt | |
| 24 | T43024 | Lê Nguyễn Quốc Thái | 23/06/2004 | Hậu Giang | 295 | 225 | 520 | Đạt | |
| 25 | T43025 | Trần Phước Thịnh | 31/07/2004 | Cà Mau | 365 | 275 | 640 | Đạt | |
| 26 | T43026 | Nguyễn Chí Thuận | 01/06/2002 | An Giang | 355 | 225 | 580 | Đạt | |
| 27 | T43027 | Trần Thị Thúy Trân | 19/10/2004 | Cần Thơ | 440 | 385 | 825 | Đạt | |
| 28 | T43028 | Nguyễn Văn Trọng | 20/09/2003 | Cần Thơ | 240 | 350 | 590 | Đạt | |
| 29 | T43029 | Huỳnh Phi Trường | 22/11/2004 | Vĩnh Long | 440 | 350 | 790 | Đạt | |

Danh sách 29 thí sinh

Đạt 28 thí sinh

Không đạt 1 thí sinh

Cần Thơ, ngày tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã